TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2019/DSST
Ngày 14/3/2019
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Liễu.
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2017/TLST – DS ngày 22 tháng 9 năm 2017 về việc tranh chấp *"hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐST – DS ngày 18/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà **Hà Thị Mộng T**, sinh năm 1959.

1.2 Ông **Nguyễn Bá Tr**, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: ấp PX, xã PM, huyện TP, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Bà **Dương Thị Đ**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp PX, xã PM, huyện TP, tỉnh TG.

2.1 Người giám hộ cho bị đơn: Chị **Hồ Thị Phương Th**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp TP, xã THĐ, huyện TP, tỉnh TG.

2.2 Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn: Luật sư **Nguyễn Trà Duy L** – Công ty luật TNHH MTV Tư vấn Pháp luật MT – thuộc đoàn luật sư tỉnh TG.

Địa chỉ: 57/16 THĐ, phường 4, thành phố MT, tỉnh TG.

3. Người làm chứng:

3.1 Ông **Lê Quang D**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp 2, xã MP, huyện TT, tỉnh LA.

3.2 Bà **Dương Thị Đ**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp PX, xã PM, huyện TP, tỉnh TG.

Tại phiên tòa có mặt ông Tr, bà T, bà Đ, chị Th, ông L, vắng mặt ông D, bà Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Hà Thị Mộng T trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2013, bà Dương Thị Đ có tham gia trong các dây hụi do tôi làm đầu thảo như sau:

Dây thứ 1: Khui ngày 30/01/2012, có 22 phần, hụi 2.000.000đ trên một phần, định kỳ 02 tháng khui một lần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt ở lần khui hụi thứ 04, đóng lại 06 kỳ, đến nay đã mãn hụi tôi đã đóng thế cho bà Đ 12 kỳ với số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Dây thứ 2: Khui ngày 10/01/2013, có 24 phần, hụi 2.000.000đ trên một phần, định kỳ 01 tháng khui một lần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt ở lần khui hụi thứ 07, đóng lại 07 kỳ, đến nay đã mãn hụi tôi đã đóng thế cho bà Đ 10 kỳ với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Dây thứ 3: Khui ngày 25/7/2013, có 24 phần, hụi 2.000.000đ trên một phần, định kỳ 01 tháng khui một lần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt ở lần khui hụi thứ 06, đóng lại 03 kỳ, đến nay đã mãn hụi tôi đã đóng thế cho bà Đ 15 kỳ với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Dây thứ 4: Khui ngày 25/7/2013, có 24 phần, hụi 2.000.000đ trên một phần, định kỳ 01 tháng khui một lần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt ở lần khui hụi thứ 06, đóng lại 03 kỳ, đến nay đã mãn hụi tôi đã đóng thế cho bà Đ 15 kỳ với số tiền 3.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Dây thứ 5: Khui ngày 30/8/2014, có 22 phần, hụi 5.000.000đ trên một phần, định kỳ 01 tháng khui một lần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt ở lần khui hụi thứ 01, không đóng lại, đến nay đã mãn hụi tôi đã đóng thế cho bà Đ 21 kỳ với số tiền 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng). Dây hụi này tôi và bà Đ thỏa thuận, tôi đứng tên tham gia thay cho bà Đẹt.

Ngoài ra bà Dương Thị Đ còn vay của tôi số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và tiền mượn đóng hụi chết, đến ngày 09/01/2015 hai bên ngồi đối chiếu lại tiền hụi, tiền nợ vay bà Dương Thị Đ còn nợ lại tôi tổng cộng 242.000.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu đồng). Bà Đ có viết cam kết cho tôi số nợ trên và đã trả cho tôi được 2.000.000đ (hai triệu đồng) rồi ngưng không trả cho đến nay.

Yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc bà Dương Thị Đ trả cho tôi (Hà Thị Mộng T) và ông Nguyễn Bá Tr số tiền hụi và tiền vay là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Bá Tr trình bày: Tôi thống nhất với yêu cầu của vợ tôi là bà Hà Thị Mộng T.

Bị đơn bà Dương Thị Đ trình bày:

Tôi thừa nhận có chơi hụi do bà Hà Thị Mộng T là thảo hụi nhưng tôi chưa hốt phần hụi nào. Tôi thừa nhận có ký tên và ghi họ tên mình vào tờ cam kết nợ ngày 09/1/2015 với số tiền 242.000.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu đồng), do tôi không biết chữ nên khi ký tôi không có đọc nội dung. Tôi không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Mộng T và ông Nguyễn Bá Tr vì tôi không có nhận tiền hụi cũng như mượn tiền của bà T và ông Tr.

Người giám hộ cho bà Dương Thị Đ chị Hồ Thị Phương Th trình bày: Tôi thống nhất theo ý kiến của bà Dương Thị Đ.

Người làm chứng ông Lê Quang D trình bày:

Trước đây, tôi có đứng ra chơi hụi thay cho bà Hà Thị Mộng T và ông Nguyễn Bá Tr một phần hụi 5.000.000đ để bà T và ông T hốt lấy tiền choàn hụi cho hụi viên, khi hốt hụi tôi đã giao đủ tiền cho bà T và ông Tr. Bà T và ông Tr đã đóng lại đầy đủ và đã mãn hụi. Tôi không biết bà Dương Thị Đ.

Người làm chứng bà Dương Thị Đ trình bày:

Tôi có tham gia chơi hụi chung với bà Đ trong dây hụi do bà Hà Thị Mộng T làm đầu thảo hụi cụ thể: Dây hụi khui ngày 25/7/2013, có 24 phần, hụi 2.000.000đ trên một phần, định kỳ 01 tháng khui một lần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt ở lần khui hụi thứ 06, đến lần khui thứ 10 thì hụi bể. Tôi không rỏ bà T đã giao hụi cho bà Đ chưa và không biết sau khi hốt hụi bà Đ có đóng hụi chết hay không.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Hà Thị Mộng T, ông Nguyễn Bá Tr thay đổi rút một phần yêu cầu cầu khởi kiện như sau: rút một phần yêu cầu ở dây hụi thứ 1 (rút 16.000.000đ); dây hụi thứ 2 (rút 16.000.000đ); dây hụi thứ 3 (rút 14.000.000đ); dây hụi thứ 4 (rút 14.000.000đ); dây hụi thứ 5 (rút toàn bộ 105.000.000đ) và số tiền vay 15.000.000đ chỉ yêu cầu bà Dương Thị Đ trả một phần số tiền hụi còn nợ trong dây hụi thứ 1, thứ 2, thứ 3, thứ 4 tổng cộng là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Người giám hộ cho bị đơn chị Hồ Thị Phương Th trình bày: Tôi thống nhất mẹ tôi bà Dương Thị Đ còn nợ bà Hà Thị Mộng T và ông Nguyễn Bá Tr tổng số tiền hụi trong bốn dây hụi: thứ 1, thứ 2, thứ 3, thứ 4 là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) và xin trả dần cho bà T và ông Tr mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2019 cho đến khi xong nợ.

Bị đơn bà Dương Thị Đ thống nhất theo ý kiến của chị Hồ Thị Phương Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Trà Duy L thống nhất theo ý kiến của chị Hồ Thị Phương Th.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Mộng T và ông Nguyễn Bá Tr là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bà Tr và bà Hà Thị Mộng T số tiền hụi là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) làm một lần khi án có hiệu luật pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Hà Thị Mộng T, ông Nguyễn Bá Tr yêu cầu bà Dương Thị Đ trả số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét

yêu cầu trên là tranh chấp dân sự về "hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn bà Dương Thị Đ có đăng ký hộ khẩu tạm trú tại xã PM, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng: Người làm chứng bà Dương Thị Đ, ông Lê Quang D vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà Dương Thị Đ và ông Lê Quang D.

[4] Xét việc nguyên đơn ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, từ việc yêu cầu bà Dương Thị Đ phải trả số tiền nợ hụi và tiền vay tổng cộng 242.000.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu đồng) xuống yêu cầu bà Dương Thị Đ trả số tiền nợ hụi là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giảm so với yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

[5] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1] Đối với yêu cầu bà Dương Thị Đ trả số tiền nợ hụi là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Xét thấy ông Tr, bà T, bà Đ và chị Th đã thống nhất số tiền hụi bà Dương Thị Đ còn nợ của ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T yêu cầu bà Dương Thị Đ trả số tiền hụi còn nợ 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ.

[5.2] Đối với yêu cầu trả dần số tiền 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2019 cho đến khi xong nợ của bà Đ và người giám hộ cho bà Đ là chị Hồ Thị Phương Th. Xét thấy bốn dây hụi có bà Dương Thị Đ tham gia do bà T làm đầu thảo còn nợ lại 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) đã mãn hơn 03 năm, bà T và ông Tr đã đóng thay cho bà Đ nên bà Đ phải có nghĩa vụ trả đủ làm một lần cho bà T và ông Tr là hợp lý. Việc trả dần sẽ kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và ông Tr, hơn nữa yêu cầu này của phía bà Đ và chị Th không được ông Tr và bà T đồng ý. Như vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ và chị Th.

[6] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2017/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2017 cần tiếp tục thực hiện để đảm bảo cho công tác thi hành án. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trên được thực hiện theo quy đinh tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí:

[7.1] Bà Dương Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 05% trên số tiền 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng).

[7.2] Ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Tr và bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẻ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 357; Điều 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Bá Tc và bà Hà Thị Mộng T đối với bà Dương Thị Đ.

1.1 Buộc bà Dương Thị Đ trả cho cho ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T số tiền nợ hụi là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng), thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Dương Thị Đ không trả số tiền nêu trên thì bà Đ còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2017/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2017, việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên được thực hiện theo quy đinh tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Bà Dương Thị Đ phải chịu 2.200.000đ (hai triệu, hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Nguyễn Bá Tr và bà Hà Thị Mộng T 3.025.000đ (ba triệu, không trăm, hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 18815 ngày 22/9/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

4. Về kháng cáo:

Ông Nguyễn Bá Tr, ông Nguyễn Trà Duy L, bà Hà Thị Mộng T, bà Dương Thị Đ và chị Hồ Thị Phương Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc lúc 09 giờ 05 phút cùng ngày 14/3/2019 có mặt ông Tr, bà T, bà Đ, chị Th và ông L.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tóa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Hữu Tính